

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM SỞ TƯ PHÁP



THÔNG TIN

PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

- Sôi nổi, thiết thực Hội thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Kon Tum lần thứ V, năm 2023.
- Một số kiến nghị nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với công chức năng lực yếu, né tránh, dùn dầy, thiếu trách nhiệm trong công việc được giao.
- Đến năm 2025, phấn đấu có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới thông minh, 07 thôn đạt chuẩn thôn thông minh.
- Tăng các mức chi trong công tác hòa giải ở cơ sở kể từ ngày 06/10/2023.

SỐ 05

2023

THÔNG TIN
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT
SỐ 05/2023

Chịu trách nhiệm xuất bản
Trần Minh Thắng
Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh
Kon Tum

TRỤ SỞ
Tầng 4, Tòa A, Khu Hành
chính tỉnh, Tổ 8, Phường
Thống Nhất, Thành phố
Kon Tum
ĐT: 02603.862.479

Giấy phép xuất bản
Số
Ngày
Của

In tại
Nộp lưu chiếu...

MỤC LỤC

- Sôi nổi, thiết thực Hội thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Kon Tum lần thứ V, năm 2023.	3
- Một số kiến nghị nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	4
- Nâng cao hiệu quả trong tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân.	6
- Triển khai Dự án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật cho học sinh, sinh viên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.	8
- Lãnh đạo triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật toàn diện, rộng khắp, chú trọng tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	10
- Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với công chức năng lực yếu, nê tránh, dùn dấy, thiếu trách nhiệm trong công việc được giao.	10
- Năm 2025, phấn đấu có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới thông minh, 07 thôn đạt chuẩn thôn thông minh.	11
- Quy định về thực hiện mô hình điển hình tiên tiến trong cộng đồng người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.	12
- Các giải pháp tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024.	13
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ rừng.	14
- Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.	15
- Mục tiêu thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn đến năm 2025.	16
- Đến năm 2025, 100% động vật đưa vào cơ sở giết mổ tập trung được thực hiện kiểm soát giết mổ.	18
- Ban hành đơn giá dịch vụ công đào tạo nghề có trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng.	19
- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về những kết quả nổi bật trong triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.	19
- Phê duyệt kết quả Chi số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022.	20
- Ban hành Nghị quyết tháo gỡ khó khăn trong chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	21
- Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập danh sách cử tri để phát phiếu lấy ý kiến về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.	22
- Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030.	23
- Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	25
- Nguyên tắc hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng.	26
- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng xã, phường, thị trấn không có hoạt động “tín dụng đen”.	27
- Nguyên tắc xin lỗi và phục hồi quyền lợi với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan.	28
- 12 nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục.	29
- Trách nhiệm trong lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.	30
- Hướng dẫn tính số lượng công chức cấp xã tăng thêm theo tiêu chuẩn về quy mô dân số.	31
- Tăng các mức chi trong công tác hòa giải ở cơ sở kể từ ngày 06/10/2023.	32
- Ban hành Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống.	33
- Thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa cho học sinh, sinh viên.	34
- Hỗ trợ tới 1 tỷ đồng/dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	35
- Hồi đáp pháp luật.	36

Sôi nổi, thiết thực Hội thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Kon Tum lần thứ V, năm 2023

Quỳnh Nguyễn

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 2010/KH-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi tỉnh Kon Tum - lần thứ V năm 2023; trong hai ngày 21 và 22/8/2023, tại Thành phố Kon Tum, Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh đã tổ chức thành công Hội thi Hòa giải viên giỏi tỉnh Kon Tum lần thứ V, năm 2023 (sau đây gọi tắt là Hội thi). Hội thi đã thu hút sự tham gia của 10 đội thi với hơn 30 thí sinh đến từ 10 huyện, thành phố, đại diện cho hơn 4.826 hòa giải viên (HGV) trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó thu hút nhiều HGV lớn tuổi, có kinh nghiệm tham gia thi.

Hội thi được tổ chức dưới hình thức sân khấu hóa với 04 phần thi, gồm: Giới thiệu, kiến thức, xử lý tình huống và tiểu phẩm. Tại phần thi tự giới thiệu, trong thời gian 05 phút, phần lớn các đội thi đã giới thiệu đầy đủ về đội thi và đặc điểm, tình hình công tác HGOCS của địa phương cũng như gửi gắm những mong muốn khi đến với Hội thi thông qua những vần thơ, lời ca và những tiểu phẩm vui nhộn, đầy sáng tạo. Ở phần thi kiến thức, các đội thi

đã thể hiện khả năng hiểu biết, am hiểu sâu rộng kiến thức pháp luật bằng việc trả lời tương đối chính xác bộ câu hỏi trắc nghiệm gồm 15 câu về các quy định pháp luật về HGOCS; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013; các quy định pháp luật trong một số lĩnh vực liên quan đến công tác HGOCS. Nhiều đội thi đạt điểm tối đa ở phần thi này. Tại phần thi xử lý tình huống, bằng sự kết hợp hài hòa giữa lý và tình, giữa quy định của pháp luật và đạo đức xã hội cũng như bằng sự hiểu biết, nắm vững kiến thức pháp luật, sự khéo léo, kinh nghiệm thực tiễn của bản thân HGV, các đội thi đã xuất sắc giải quyết các tình huống liên quan đến những tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình...

Riêng phần thi tiểu phẩm đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các đội thi, khán giả và cổ động viên. Đây cũng là phần thi được các đội thi đầu tư kỹ lưỡng và công phu nhất. Mỗi đội thi mang đến Hội thi một câu chuyện thực tế, gần gũi nảy sinh trong cộng đồng dân cư ở địa phương mình. Cách tiếp cận và giải quyết vấn đề của các đội thi cũng khá linh hoạt. Các HGV đã thể hiện

rất xuất sắc cách tháo gỡ các xích mích, mâu thuẫn một cách mềm dẻo, khéo léo, không chỉ sử dụng pháp luật mà còn vận dụng cả kiến thức xã hội, kinh nghiệm sống và phong tục tập quán, ca dao, tục ngữ... để đưa ra cách giải quyết tình huống rất linh hoạt, chủ yếu trên phương diện tình cảm, tạo sự đồng thuận của các bên. Đây được xem là yếu tố quan trọng nhất, thể hiện vai trò quan trọng của công tác HGOCS.

Kết quả chung cuộc, đội thi của huyện Ngọc Hồi đã xuất sắc đạt giải Nhất; giải Nhì thuộc về đội thi của huyện Đăk Hà và Thành phố Kon Tum; giải Ba thuộc về đội thi của huyện Sa Thầy và huyện Kon Plông; đội thi của các huyện: Tu Mơ Rông, huyện Đăk Glei, huyện Đăk Tô, huyện Ia H'drai và huyện Kon Rẫy cùng đạt giải Khuyến khích. Ngoài ra, còn có 04 giải phụ cho 03 tập thể có phần thi giới thiệu ấn tượng nhất; phần thi xử lý tình huống đúng và nhanh nhất; phần thi tiêu phẩm xuất sắc nhất và 01 cá nhân đạt giải HGV lớn tuổi nhất Hội thi.

Có thể nói, Hội thi đã diễn ra thành công và đã tạo sức lan tỏa lớn trong lực lượng HGV nói riêng và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung. Hội thi là một trong những hình thức PBGDPL mà Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện nhằm đa dạng hóa các hình thức PBGDPL trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian ngắn nhưng các đội thi đã có sự chuẩn bị khá chu đáo, có sự phấn đấu, nỗ lực trong các phần thi. Hội thi đã khép lại với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau ở các đội thi, cổ động viên và khán giả. Hy vọng, sau Hội thi, các HGV sẽ phát huy tốt hơn nữa vai trò, vị trí của mình, trở thành những HGV thấu tình, đạt lý để cùng với chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả công tác HGOCS, giúp lan tỏa nhiều hơn các quy định pháp luật trong cộng đồng dân cư, góp phần hạn chế đơn thư khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp, kéo dài, phòng ngừa vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội ngay tại cơ sở./.

Một số kiến nghị nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Huệ Nguyễn

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của tỉnh Kon Tum nói

riêng, cả nước nói chung; giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào DTTS. Vùng này

còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng và dịch vụ. Do vậy, điều kiện kinh tế, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi còn khó khăn, đặc biệt khó khăn; trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật của đại bộ phận người dân còn thấp, tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết pháp luật còn nhiều; các chính sách, quy định pháp luật mới đến với người dân còn chậm.

Từ thực tế nêu trên, những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) vùng đồng bào DTTS và miền núi. Cụ thể: Điều 17 Luật PBGDPL năm 2012 quy định người dân ở vùng DTTS, miền núi là đối tượng đặc thù trong công tác PBGDPL; Kết luận số 80-KL/TW ngày 20-6-2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân tiếp tục khẳng định chủ trương ưu tiên bố trí nguồn lực cho công tác PBGDPL đối với nhóm đối tượng là đồng bào dân tộc; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 nêu quan điểm: "...Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào DTTS và miền núi"; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, trong đó có nội dung số 2, tiêu dự án 1, dự án 10 "Tăng cường tuyên truyền, PBGDPL và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân"...

Cụ thể hóa các quan điểm, chỉ đạo nêu trên của Đảng và Nhà nước, trong thời gian đến, để nâng cao chất lượng công tác PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi, tác giả kiến nghị một số giải pháp sau:

Một là, đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL phù hợp với vùng đồng bào DTTS và miền núi. Theo đó, cần PBGDPL ngay từ giai đoạn soạn thảo, xây dựng chính sách, pháp luật, đặc biệt chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của đồng bào DTTS; chủ trương, chính sách có tác động, ảnh hưởng đến đời sống, môi trường vùng miền núi; nội dung PBGDPL phải xuất phát từ cuộc sống, từ nhu cầu, từ

khó khăn, vướng mắc đang gặp phải; đồng thời, chú trọng giáo dục về vai trò, ý nghĩa của pháp luật, ý thức tìm hiểu, tôn trọng và tuân thủ pháp luật; hình thức PBGDPL đảm bảo phù hợp với yếu tố đặc thù của vùng đồng bào DTTS và miền núi về vị trí địa lý, phong tục tập quán, điều kiện kinh tế, xã hội...

Hai là, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi. Ví dụ: Nghiên cứu, xây dựng, phát triển đội ngũ PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi từ chính con em của đồng bào DTTS; ban hành chính sách và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL, ngôn ngữ dân tộc, phong tục tập quán, văn hóa của đồng bào dân tộc cho nguồn nhân lực thực hiện

công tác PBGDPL; huy động cán bộ, công chức là người DTTS, biết tiếng DTTS, am hiểu về văn hóa truyền thống, tập quán, tâm lý của người DTTS tham gia vào hoạt động PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi...

Ba là, đầu tư trọng tâm, trọng điểm nguồn lực, ưu tiên tối đa về kinh phí từ ngân sách nhà nước và các điều kiện đảm bảo cho công tác PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi. Thực hiện hiệu quả nội dung số 2, tiêu đề án 1, dự án 10 “Tăng cường tuyên truyền, PBGDPL và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân”. Huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân hỗ trợ nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác PBGDPL vùng đồng bào DTTS và miền núi./.

Nâng cao hiệu quả trong tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân

Minh Ngọc

Việc tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật (TCPL) của người dân, qua đó nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, sử dụng pháp luật để thực hiện các quyền, bảo vệ các lợi ích của mình và xã hội luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Tại

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: “*đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật*”, “Tăng

cường năng lực tiếp cận pháp luật của công dân và doanh nghiệp". Trên cơ sở đó, ngày 11/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 977/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*” (sau đây gọi tắt là Đề án 977).

Triển khai thực hiện Đề án 977 trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3533/KH-UBND ngày 20/10/2022, Văn bản số 2428/UBND-NC ngày 28/7/2023 và các văn bản khác liên quan như: Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 về tăng cường công tác truyền thông chính sách; Văn bản số 1357/UBND-KGVX ngày 12/5/2023 về tăng cường công tác truyền thông chính sách; Hội đồng phối hợp tỉnh ban hành Văn bản số 285/STP-HĐPH ngày 01/3/2023 để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện. Bên cạnh đó, tại các Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp hàng năm cũng đều xác định việc tổ chức triển khai Đề án 977 là một trong những nội dung trọng tâm cần thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Đề triển khai hiệu quả, có chất lượng Đề án 977 trong năm 2023 và những năm tiếp theo, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần xác định rõ và giải quyết tốt

những yêu cầu đặt ra trong thực tiễn, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như:

Thứ nhất: Rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách, thể chế bảo đảm, hỗ trợ người dân TCPL, cụ thể là rà soát, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn TCPL, tiếp cận thông tin để đổi mới nội dung, phương thức thực hiện theo hướng Nhà nước thiết lập các điều kiện cần thiết cho người dân chủ động tiếp cận thông tin pháp luật và các chính sách, quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp để tạo cơ sở huy động nguồn lực xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội của các tổ chức và thành viên.

Thứ hai: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm; hình thành và phát triển thói quen tìm hiểu, sử dụng và tuân thủ pháp luật của người dân với các hoạt động cụ thể: Quán triệt, thông tin, truyền thông thường xuyên, liên tục bằng các hình thức phù hợp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của pháp luật đối với đời sống xã hội, sự cần thiết của việc chủ động nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật của người dân; Củng cố, nâng cao hiệu quả đường dây nóng và các kênh tiếp nhận, trả lời kiến nghị, phản ánh, giải đáp, tư vấn, hỗ trợ các vấn đề liên

quan đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân; Nâng cao khả năng TCPL của các đối tượng đặc thù, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo...

Thứ ba: Nâng cao năng lực, trách nhiệm của sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Trước hết nâng cao nhận thức, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan có trách nhiệm thi hành pháp luật, tăng cường hoạt động tự giám sát, tự kiểm tra quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Cùng cố, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cơ quan, tổ chức trong bảo đảm, hỗ trợ việc tiếp cận pháp luật, đặc biệt trong hoạt động giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến người dân; Xây dựng cơ chế thu hút luật sư, luật gia, người có kiến thức pháp luật, người có uy tín tham gia hòa giải ở cơ sở; xây dựng, nhân rộng mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở...

Thứ tư: Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp,

tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp trong việc hỗ trợ người dân TCPL: Mở rộng mạng lưới các cơ quan, tổ chức hỗ trợ thông tin pháp luật, tư vấn pháp luật, trong đó tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư, tư vấn viên pháp luật... và tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước trong hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân...

Thứ năm: Đầu tư, hỗ trợ nguồn lực, công nghệ thông tin bảo đảm cho các hoạt động phục vụ yêu cầu tiếp cận pháp luật của người dân của các cơ quan, tổ chức: Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, các phương tiện, thiết bị phục vụ các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ công tác PBGDPL; Bố trí nguồn lực, đầu tư cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực PBGDPL nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin pháp luật cho người dân được đầy đủ, kịp thời, nhanh chóng, thuận lợi./.

Triển khai Dự án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật cho học sinh, sinh viên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Quỳnh Lê

Ngày 15/8/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch

số 2636/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Dự án “Phòng

ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật cho học sinh, sinh viên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Kế hoạch đề ra các mục tiêu cụ thể đó là: 100% nhà trường thành lập và duy trì hoạt động hiệu quả của Ban Chỉ đạo “Phòng, chống tội phạm”; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật gắn với nhiệm vụ, hoạt động thường xuyên của nhà trường trong từng năm học; thiết lập các kênh tiếp nhận những thông tin, phản ánh để tư vấn, hỗ trợ, kịp thời giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong nhà trường.

100% nhà trường tổ chức ký cam kết giữa Nhà trường - Gia

Lãnh đạo triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật toàn diện, rộng khắp, chú trọng tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Quỳnh Nhi

Ngày 23-6-2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 972-CV/TU về việc tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 80-

định - Xã hội về nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật. 100% nhà trường xây dựng, duy trì ít nhất 01 mô hình về phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật. 100% nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”. Phấn đấu hàng năm giảm số vụ, số người phạm tội, vi phạm pháp luật liên quan đến người học.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Kế hoạch đặt ra các nhiệm vụ và giải pháp cần triển khai như: Tổ chức tuyên truyền về phòng ngừa tội phạm và phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật; Nâng cao năng lực của các thành viên trong nhà trường về công tác phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật.../.

KL/TW, ngày 20-6-2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32- CT/TW, ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân*

dân” (Kết luận số 80-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn:

(1) Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09-12-2003 và Kết luận số 80-KL/TW, ngày 20-6-2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; đảm bảo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội nhận thức rõ công tác PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; có vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng đối với việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

(2) Lãnh đạo triển khai công tác PBGDPL toàn diện, rộng

Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với công chức năng lực yếu, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong công việc được giao

MN

Đây là một trong những nội dung được nêu tại Công văn số 2799/UBND-KTTH ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh

khắp, chú trọng tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp chặt chẽ công tác PBGDPL và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả giữa PBGDPL với xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, cách thức tuyên truyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của lực lượng vũ trang, mặt trận và đoàn thể nhân dân ở cơ sở; đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng.

(3) Yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc chủ động tìm hiểu, học tập, nắm vững, chấp hành các quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức, cá nhân. Đồng thời, tích cực tham gia tuyên truyền, PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho quần chúng nhân dân./.

về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/7/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó

khẩn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, siết chặt kỷ luật, kỷ cương.

Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu các các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và địa bàn được giao phụ trách, quản lý tập trung rà soát, chủ động cắt giảm, đơn giản hóa một cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao gắn với việc triển khai Đề án 06 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia, tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức và sự đồng thuận trong triển khai thực hiện; ưu tiên cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục về đầu tư, đăng ký kinh doanh, điều kiện kinh doanh và TTHC trong các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Tuyệt đối không ban hành quy định, TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh mới làm phát sinh chi phí, thủ tục,

thời gian không cần thiết, trái quy định cho doanh nghiệp, người dân.

Chủ động, tích cực thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không trình lên cấp trên và chịu trách nhiệm quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật; không đùn đẩy, để kéo dài công việc, làm lỡ thời cơ, cơ hội để tháo gỡ, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, gây lãng phí nguồn lực.

Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với công chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, để tri trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Tham mưu biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các cơ quan, tập thể, cán bộ, công chức quyết liệt trong thi hành công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.../.

Đến năm 2025, phấn đấu có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới thông minh, 07 thôn đạt chuẩn thôn thông minh

Minh Ngọc

Đây là một trong những nội dung được đề cập tại Kế hoạch số 2838/KH-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh

về thực hiện mô hình thôn thông minh, xã nông thôn mới thông minh trong xây dựng nông thôn

mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đó, các mục tiêu cụ thể về thực hiện mô hình thôn thông minh, xã nông thôn mới thông minh trong xây dựng nông thôn mới đến năm 2025, bao gồm:

(1) Có 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới thông minh theo quy định: Xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà.

(2) Có 07 thôn đạt chuẩn thôn thông minh theo quy định, gồm: Thôn 7, xã Đoàn kết, thành phố Kon Tum; Thôn 4, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum; Thôn 2, xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà; Thôn 3, xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà; Thôn 4, xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi; Thôn 3, xã Tân Lập,

huyện Kon Rẫy và Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai. Trong đó:

- Năm 2023: Có 03 thôn đạt chuẩn thôn thông minh, gồm: Thôn 2, xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà; Thôn 3, xã Đắk Mar, huyện Đắk Hà; Thôn 3, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy.

- Năm 2024: Có 03 thôn đạt chuẩn thôn thông minh, gồm: Thôn 7, xã Đoàn kết, thành phố Kon Tum; Thôn 4, xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi và thôn 2, xã Diên Bình, huyện Đắk Tô.

- Năm 2025: Có 02 thôn đạt chuẩn thôn thông minh, gồm: Thôn 4, xã Hòa Bình, Thành phố Kon Tum; Thôn 1, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai./.

Quy định về thực hiện mô hình điển hình tiên tiến trong cộng đồng người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

Ngọc Nguyễn

Ngày 21/8/2023, UBND tỉnh ký Quyết định số 44/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định số lượng, quy mô, cách thức tổ chức thực hiện mô hình điển hình tiên tiến (ĐHTT) là các Già làng, Trưởng thôn, Người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, hằng năm, căn cứ tình hình thực tế, mỗi huyện, thành phố lựa chọn, đăng ký xây dựng 02 mô hình ĐHTT; mỗi mô hình gồm 10 ĐHTT trên một số lĩnh vực đảm bảo phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

Về cách thức xây dựng mô hình, khảo sát trực tiếp, thông qua phong trào thi đua, truyền thông, báo chí, phát thanh truyền hình đưa tin, tuyên truyền trong công tác, lao động, sản xuất đề

lựa chọn những gương điển hình tiên tiến là Già làng, Trưởng thôn, người có uy tín, cán bộ cốt cán, nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng mô hình.

Đồng thời, các gương ĐHTT phải ứng các tiêu chí chung, như: Là những cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh; có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong học tập, công tác, lao động sản xuất, kinh doanh; là nhân tố nổi trội, có sức lan tỏa, dẫn đầu trong các phong trào thi đua, tác động tích cực đến cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội. Gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đoàn kết, có tinh thần tương thân, tương ái, tích cực tham gia các hoạt động xã hội do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động...

Ngoài ra, từng mô hình, có các tiêu chí cụ thể, như: Mô hình ĐHTT trong công tác, học tập là những cá nhân, học sinh, sinh

viên người DTTS thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, tiêu biểu, nổi trội trong cơ quan, đơn vị; có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ làm việc tận tụy, năng động, sáng tạo; có ý thức tổ chức kỷ luật; có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong công tác; tiêu biểu trong Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong học tập”; đạt nhiều thành tích cao trong học tập; chủ động, tích cực, vượt khó vươn lên trong học tập, rèn luyện.

ĐHTT trong công tác tuyên truyền, vận động, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc là những cá nhân người DTTS thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này, có thành tích nổi bật trong việc phối hợp với cấp uỷ, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện tốt công tác hoà giải và giải quyết khiếu kiện trong đồng bào DTTS tại cộng đồng...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/8/2023./.

Các giải pháp tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024

Thương Nguyễn

Nhằm phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 4% trở lên. Các huyện nghèo giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 6 - 8%; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động nghèo, tạo việc làm gắn với thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo; ngày 01/8/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2470/KH-UBND về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Cụ thể, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện bao gồm:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng nhằm tạo sự đồng thuận của người dân; khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh nhằm đảm bảo thực hiện

đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra tại Kế hoạch.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các huyện nghèo, các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cao.

4. Tích cực, chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực Nhà nước, xã hội và Nhân dân để đầu tư thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Trong đó, chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng cơ bản phục vụ nhu cầu thiết yếu cho người dân; hỗ trợ triển khai các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở liên kết theo chuỗi giá trị với cơ sở chế biến để đảm bảo ổn định nguồn tiêu thụ hàng hóa nông sản.

5. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phối hợp, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo./.

**Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến,
giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ rừng**

Quỳnh Lê

Đây là một trong những nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, bảo vệ rừng được ban hành tại Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh.

Theo đó, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-HĐND đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế, Chương trình đề ra các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện đó là: (1) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ rừng; (2) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác quản lý bảo vệ rừng; (3) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng; (4) Thực hiện tốt công tác quản lý

bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

Trong đó, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, giáo dục pháp luật sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các Nghị quyết, Văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong công tác quản lý bảo vệ rừng đảm bảo phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân đối với công tác quản lý bảo vệ rừng. Tiếp tục phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý bảo vệ rừng; tích cực phản ánh, tố giác kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp đến các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương; tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân đối với công tác quản lý bảo vệ rừng.../.

Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

NVT

Ngày 15/8/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2629/KH-UBND về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, mục tiêu của Kế hoạch là đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực thúc đẩy

tăng trưởng, để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số, bảo vệ môi trường sinh thái, thích nghi và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

Cụ thể là nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, tổ chức trong doanh nghiệp; đến năm 2025 đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức 40% và đến năm 2030 đạt mức 45%.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại để chuyên gia, ứng dụng có hiệu quả trong sản xuất và đời sống; trong đó tập trung một số lĩnh vực, công nghệ ưu tiên: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ chế biến nông lâm sản, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, trồng và chế biến dược liệu...

Đến năm 2025, đầu tư của nhà nước cho khoa học và công nghệ đảm bảo tối thiểu hơn 1% chi ngân sách nhà nước hàng năm. Đến năm 2030, đầu tư của nhà nước cho khoa học và công nghệ đảm bảo 2% chi ngân sách nhà nước hàng năm. Phần đầu đến năm 2030 có khoảng 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; có khoảng 03-05% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; có từ 03- 05 sáng chế được bảo hộ, khai thác thương mại hóa.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện như: Hoàn thiện cơ sở pháp lý và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp..../.

Mục tiêu thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn đến năm 2025

NMN

Đây là nội dung nổi bật được nêu tại Kế hoạch số 2432/KH-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tại Kế hoạch nêu rõ các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, gồm:

1. Tối thiểu 50% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; trên 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung; đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt quy mô hộ gia đình cho các hộ dân tại những khu vực chưa có khả năng tiếp cận với nước cấp tập trung, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán.

2. Ít nhất 30% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn; 80% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý; triển khai 1 - 2 mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện trở lên với công nghệ phù hợp.

3. Ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số

đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

4. Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi và 60% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

5. Có 95% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

6. Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống (nếu có) được thu gom và xử lý theo quy định.

7. Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

8. Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; từ 60% số xã trở lên có tổ cộng đồng tự quản về an toàn thực phẩm.

9. Ít nhất 70% hộ gia đình nông thôn và 95% trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn./.

Đến năm 2025, 100% động vật đưa vào cơ sở giết mổ tập trung được thực hiện kiểm soát giết mổ

Gia Hân

Đây là một trong những mục tiêu được nêu tại Kế hoạch số 2913/KH-UBND ngày 05/9/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện “Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2023 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch nêu rõ các mục tiêu cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2030, bao gồm:

(1) Xây dựng được vùng an toàn dịch bệnh (ATDB) theo quy định của Việt Nam, cụ thể: Đến cuối năm 2024: Huyện Kon Plông và Thành phố Kon Tum, mỗi địa phương xây dựng và được chứng nhận tối thiểu 01 vùng ATDB (cấp xã) đối với bệnh Đại; Đến cuối năm 2026: Huyện Ia H'Drai xây dựng và được chứng nhận tối thiểu 01 vùng ATDB (cấp xã) đối với bệnh Lở mồm long móng; Đến cuối năm 2028: Huyện Sa Thầy xây dựng và được chứng nhận tối thiểu 02 vùng ATDB (cấp xã) đối với bệnh Lở mồm long móng.

(2) Mục tiêu cụ thể về tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với động vật, sản phẩm động vật: Quy định về Trạm kiểm dịch đầu mỗi giao thông được ban hành; 100% trạm kiểm dịch đầu mỗi giao thông được đầu tư, nâng cấp bảo đảm đúng quy định của pháp luật; Đến năm 2025: 100% động vật đưa vào cơ sở giết mổ tập trung được cơ quan quản lý nhà nước về thú y thực hiện kiểm soát giết mổ; 100% các chương trình giám sát ATTP đối với thịt lợn, thịt gia cầm, trứng và sản phẩm trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và sản phẩm mật ong, tổ yến được tổ chức triển khai thực hiện.

(3) Mục tiêu cụ thể về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thuốc, vắc xin thú y đảm bảo chất lượng, an toàn, hiệu quả: Hằng năm, có ít nhất 10% thuốc, vắc xin thú y lưu hành trên thị trường được giám sát chất lượng; phần đầu trên 50% các cửa hàng buôn bán thuốc thú y được kiểm tra, giám sát.

(4) Mục tiêu cụ thể về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công

tác thú y: Xây dựng kho dữ liệu số dùng chung của ngành Thú y của địa phương, bảo đảm kết nối liên thông với trung ương; Ứng

dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành, thực thi nhiệm vụ của ngành thú y./.

Ban hành đơn giá dịch vụ công đào tạo nghề có trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng

Hồng Lam

Ngày 22/8/2023, UBND tỉnh ký Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, đơn giá đào tạo có mức cao nhất là 3.680.000 đồng (đối với nghề *Cốt thép - Hàn*) và đơn giá đào tạo có mức thấp nhất là 1.330.000 đồng (đối với nghề *Lâm sinh - Trồng và chăm sóc cây sâm Ngọc Linh*).

Quyết định áp dụng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Luật Giáo

dục nghề nghiệp; doanh nghiệp và cơ sở được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới ba tháng; người được đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; các cơ quan tham mưu, giúp quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về những kết quả nổi bật trong triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh

Quỳnh Nguyễn

Đây là nội dung nổi bật được nêu tại Công văn số 2672/UBND-NC ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai Thông báo số 299/TB-VPCP ngày 31/7/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết

l luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 về chuyển đổi số và Đề án 06 của Chính phủ.

Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương tăng

cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người dân biết về ý nghĩa, tầm quan trọng và những kết quả nổi bật trong việc triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về Chuyển đổi số, Đề án 06 theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh. Đồng thời, đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

Tập trung rà soát, tham mưu việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân theo quy định hiện hành; bảo đảm việc cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số thủ tục quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí theo quy định hiện hành và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh triển khai nền tảng số trong thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử (thanh toán hóa đơn, chi trả lương hưu, tích hợp mã định danh với mã số thuế để nâng cao hiệu quả thu thuế...)/.../.

Phê duyệt kết quả Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022

Ngọc Nguyễn

Ngày 28/8/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 477/QĐ-UBND về phê duyệt kết quả Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Theo đó, đối với các cơ quan khối tỉnh, có 09/20 cơ quan xếp loại "Khá", 09/20 cơ quan xếp loại "Trung bình", 02/20 cơ quan xếp loại "Yếu"; đối với các huyện, thành phố, 10/10 địa phương xếp loại "Yếu".

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, địa phương căn cứ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022, tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, cải thiện Chỉ số chuyển đổi số những năm tiếp theo. Đồng thời, giao Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện sau đánh giá; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị, địa phương có thứ hạng thấp để khắc phục những tồn tại, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc./.

**Ban hành Nghị quyết tháo gỡ khó khăn
trong chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác**

LQ

Ngày 31/8/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 139/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Theo đó, Chính phủ thống nhất với đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về một số giải pháp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh được thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc, chặt chẽ, đúng quy định pháp luật; chống lợi ích nhóm, tham nhũng, tiêu cực, lợi dụng đề hợp thức hóa sai phạm, góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, cụ thể:

Đối với các địa phương chưa có quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh được tiếp tục thực hiện, kéo dài

thời kỳ và điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành cho đến khi quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh được lập, phê duyệt theo quy định về trình tự, thủ tục của văn bản quy phạm pháp luật nào thì khi điều chỉnh nội dung và kéo dài thời kỳ áp dụng trình tự, thủ tục điều chỉnh quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung được cấp có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành.

Chính phủ giao Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố triển khai việc điều chỉnh nội dung và kéo dài thời kỳ quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch 3 loại rừng cấp tỉnh theo quy định nêu trên, đồng thời phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

được phân bổ, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng có hiệu quả, bền vững diện tích

rừng hiện có, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lập danh sách cử tri
để phát phiếu lấy ý kiến về thành lập, giải thể, nhập, chia,
điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính**

Hoa Huệ

Ngày 24/8/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

Trong đó, nguyên tắc lập danh sách cử tri để phát phiếu lấy ý kiến được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Công dân có quyền bầu cử theo quy định tại Điều 2 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để được phát phiếu lấy ý kiến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, trừ trường hợp không được ghi tên vào danh sách cử tri theo quy định.

2. Cử tri được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đăng ký thường trú và đăng ký tạm

trú. Trường hợp cấp có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đối với cùng 01 đơn vị hành chính ở cả nơi cử tri đăng ký thường trú và đăng ký tạm trú thì cử tri chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đăng ký thường trú.

3. Cử tri nếu ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó lập đến trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lấy ý kiến cử tri 24 giờ thì đến UBND cấp xã xuất trình hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam tại UBND xã nơi mình đăng ký thường trú và đăng ký tạm trú để được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát phiếu lấy ý kiến cử tri.

4. Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án,

người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

5. Cử tri bị xóa đăng ký thường trú hoặc xóa đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã chịu ảnh hưởng trực tiếp của việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính sau khi danh sách đã được niêm yết, cử tri đã có tên trong

danh sách mà đến thời điểm phát phiếu lấy ý kiến bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì xóa tên khỏi danh sách cử tri.

6. Danh sách cử tri được niêm yết trong thời gian tối thiểu 30 ngày kể từ ngày bắt đầu niêm yết danh sách đến ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/8/2023./.

Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030

Quỳnh Nhi

Ngày 30/8/2023, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1007/QĐ-TTg về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch*).

Một trong những quan điểm thực hiện trong Quy hoạch là bảo đảm phù hợp khả năng đầu tư của Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội; bảo đảm linh hoạt trong chuyển đổi mô hình, chức năng của các cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp tình hình, nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương.

Đồng thời, Quy hoạch theo hướng mở và linh hoạt. Tùy thuộc vào tình hình, nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của các cơ sở trên từng địa bàn bảo đảm phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng đối với người có công với cách mạng.

Về mục tiêu đến năm 2030, Quy hoạch trên cơ sở hiện trạng, bảo đảm phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp, đủ quy mô, năng lực, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng, tạo thuận lợi để người có công được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc toàn diện về thể chất và tinh thần.

Trước hết, hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được sắp xếp, cải tạo, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đồng bộ, hiện đại góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng và chăm lo toàn diện cả về thể chất và tinh thần đối với người có công; bảo đảm nuôi dưỡng, chăm lo toàn diện đối với 100% người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật có nguyện vọng vào sống tại cơ sở.

Đến năm 2025, phát triển mới 5 cơ sở điều dưỡng người có công với cách mạng với quy mô khoảng 400 giường; xây dựng, nâng cấp 2 cơ sở điều dưỡng với quy mô khoảng 180 giường; đưa ra khỏi Quy hoạch một số cơ sở; sáp nhập, rà soát, điều chỉnh linh hoạt mô hình hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp tình hình thực tế.

Đến năm 2030, phát triển mới 3 cơ sở điều dưỡng người có công với cách mạng với quy mô khoảng 240 giường; xây dựng, cải tạo, nâng cấp 4 cơ sở điều

dưỡng với quy mô khoảng 400 giường; chuyển đổi linh hoạt mô hình hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp tình hình thực tế.

Cùng với đó, đội ngũ người lao động làm việc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công được nâng cao về năng lực, trình độ, có đạo đức, trách nhiệm phù hợp vị trí việc làm được phê duyệt; hoàn thiện chính sách thu hút cán bộ, viên chức, người lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi vào làm việc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

Về tầm nhìn đến năm 2050, hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được duy trì và đáp ứng ngày càng cao nhu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Từ đó, góp phần thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo đời sống người có công với cách mạng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Hồng Lam

Ngày 31/8/2023, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1012/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Mục đích của Kế hoạch nhằm tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Đồng thời, xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả; xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên phạm vi cả nước.

Theo đó, Kế hoạch đề ra các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện bao gồm: (1) Tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến, tập huấn chuyên sâu về Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (2) Tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (3) Tổ chức rà soát văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

của các Bộ, ngành và địa phương về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (4) Xây dựng, ban hành văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (5) Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án, đề án, chương trình, hoạt động cấp quốc gia về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong đó, tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các điểm mới của Luật này bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế; tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này và các văn bản pháp luật có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

Đồng thời, xây dựng một số nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt

động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng..../.

**Nguyên tắc hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động
bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động
do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng**

Huệ Nguyễn

Ngày 25/8/2023, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quyết định số 7785/QĐ-TLĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 6696/QĐ-TLĐ ngày 16/01/2023 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng.

Theo đó, nguyên tắc hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Đoàn viên, người lao động được xem xét, hỗ trợ chính sách do bị giảm thời gian làm việc, ngừng việc, bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương phải

đang làm việc theo hợp đồng lao động tại thời điểm đề nghị hỗ trợ; có tên trong danh sách trả lương (hoặc bảng lương) tại doanh nghiệp trước thời điểm bắt đầu bị giảm thời gian làm việc, ngừng việc, bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương đề nghị hỗ trợ ít nhất từ 30 ngày trở lên. Đoàn viên, người lao động được xem xét, hỗ trợ chính sách do bị chấm dứt hợp đồng lao động mà không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp phải có tên trong danh sách trả lương (hoặc bảng lương) tại doanh nghiệp trước thời điểm bắt đầu bị chấm dứt hợp đồng lao động đề nghị hỗ trợ ít nhất từ 90 ngày trở lên (ít nhất từ 88 ngày trở lên nếu thời điểm bắt đầu bị chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 01/4/2023).

2. Đoàn viên, người lao động được chi trả hỗ trợ một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

3. Đoàn viên, người lao động đủ điều kiện hỗ trợ thuộc đối

tượng nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ của đối tượng đó, nhưng một người chỉ được hưởng hỗ trợ một lần đối với một chính sách. Trường hợp đoàn viên công đoàn, người lao động được hưởng tất cả các chính sách hỗ trợ thì không trừ phần chênh lệch giữa các mức hỗ trợ. Trường hợp không thể xác minh được chính sách hỗ trợ mà đoàn viên, người lao động đã được hưởng thì đoàn viên, người lao động phải có cam kết về việc đã được hưởng hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Trường hợp đoàn viên, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023, đã nộp hồ sơ cho các

cấp công đoàn sau ngày 31/3/2023 mà công đoàn cấp trên cơ sở chưa thẩm định hoặc quyết định hỗ trợ thì công đoàn cấp trên cơ sở tiếp tục thẩm định và xem xét quyết định hỗ trợ.

5. Thời hạn hoàn thành thủ tục hỗ trợ đoàn viên, người lao động chậm nhất trong ngày 31/3/2024.

6. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có các hành vi lợi dụng việc hỗ trợ theo Quy định này để trục lợi. Nếu có hành vi vi phạm, căn cứ tính chất, mức độ vi phạm sẽ phải bồi thường và xem xét xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phong trào toàn dân
bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng xã, phường, thị trấn
không có hoạt động “tín dụng đen”**

Gia Hân

Đây là một trong nội dung nổi bật được đề cập tại Công điện 766/CĐ-TTg ngày 24/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hoạt động tín dụng đen.

Theo đó, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hoạt động “tín

dụng đen”, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo, ban hành, kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, tạo sinh kế cho người lao động; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức liên quan và chính quyền

cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và phương thức, thủ đoạn, hậu quả của “tín dụng đen”; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại cơ sở.

Thường xuyên nắm chắc tình hình, tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động của các công ty tài chính, doanh nghiệp, công ty luật, cơ sở kinh doanh có điều

kiện, kịp thời phát hiện các hoạt động “tín dụng đen”, xử lý nghiêm nghiêm theo quy định pháp luật các trường hợp vi phạm; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng xã, phường, thị trấn không có hoạt động “tín dụng đen”./.

Nguyên tắc xin lỗi và phục hồi quyền lợi với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan

Lệ Quỳnh

Đây là một trong những nội dung được đề cập tại Quy định số 117-QĐ/TW ngày 18-8-2023 của Ban Chấp hành Trung ương về xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan.

Cụ thể, tại Điều 3 Quy định số 117-QĐ/TW nêu rõ về nguyên tắc xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan như sau:

1. Thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi đối với tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan phải kịp thời, công khai, khách quan. Tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan chịu trách nhiệm tổ chức xin lỗi và phục hồi quyền lợi.

2. Chỉ thực hiện xin lỗi, phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan một lần

khi có kết luận hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền xác định kỷ luật oan.

3. Tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật oan phải chủ động, kịp thời báo cáo ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; phối hợp với tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên; quyết định bãi bỏ, thu hồi quyết định kỷ luật oan; xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên tham mưu, quyết định kỷ luật oan.

4. Trường hợp tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan đã giải tán, giải thể, kết thúc hoạt động, chuyển giao, chia tách, sáp nhập thì tổ chức đảng tiếp nhận hoặc tổ chức đảng cấp trên trực tiếp chịu trách nhiệm xin lỗi và phục

hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan.

5. Đảng viên bị kỷ luật oan đã qua đời, toà án tuyên bố mất tích, mất năng lực hành vi dân sự thì tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan tổ chức xin lỗi đối với thân nhân đảng viên. Khi toà án huỷ bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc tuyên bố mất tích thì tổ chức đảng kỷ luật oan xem xét phục hồi quyền lợi cho đảng viên theo quy định.

6. Việc bồi thường về vật chất và các lợi ích hợp pháp cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật

oan thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Để được phục hồi các quyền lợi trên, tổ chức đảng, đảng viên cần phải đảm bảo các căn cứ: Kết luận hoặc quyết định của tổ chức đảng có thẩm quyền xác định tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan; Kết luận, quyết định, bản án của cơ quan pháp luật xác định đảng viên bị điều tra, truy tố, xét xử oan dẫn đến tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

12 nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục

Minh Ngọc

Ngày 23/8/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định 2457/QĐ-BGDĐT về ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023 - 2024 của ngành Giáo dục.

Theo đó, 12 nhiệm vụ trọng tâm trong năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục bao gồm: (1) Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục; (2) Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; (3) Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên

và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; (4) Bổ trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; (5) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh; (6) Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; (7) Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học, nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực gắn với nghiên cứu

khoa học và đổi mới sáng tạo; (8) Hội nhập quốc tế trong giáo dục; (9) Đẩy mạnh chuyên đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành; (10) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; (11) Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành; (12) Tăng cường công tác truyền thông giáo dục.

Trong đó, đối với nhiệm vụ “Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” có nội dung đơn cử như sau: Triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cấp tiểu học; lớp 6, lớp 7, lớp 8

cấp trung học cơ sở; lớp 10 và lớp 11 cấp trung học phổ thông.

Tiếp tục thực hiện nội dung dạy học lớp 5, lớp 9, lớp 12 Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 theo hướng tinh giản, phù hợp và tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường...

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23/08/2023./.

Trách nhiệm trong lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử

Gia Hân

Ngày 31/8/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BNV về hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

Theo đó, quy định về trách nhiệm của người làm lưu trữ trong lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử bao gồm:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm áp dụng các biện pháp

nhằm nâng cao hiệu quả trong việc lập hồ sơ, thu thập, quản lý, bảo quản và sử dụng hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.

2. Người giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính điện tử có trách nhiệm lập và giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử vào Lưu trữ cơ quan đúng quy định.

3. Người làm lưu trữ có trách nhiệm: (i) Giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức hướng dẫn việc nộp lưu hồ sơ thủ tục hành chính

điện tử; (ii) Thu thập, xác định giá trị tài liệu, thống kê, bảo quản và tổ chức sử dụng hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; (iii) Giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc Danh mục tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử;

(iiii) Tổ chức hủy hồ sơ thủ tục hành chính điện tử hết giá trị theo quy định của pháp luật và theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2023./.

Hướng dẫn tính số lượng công chức cấp xã tăng thêm theo tiêu chuẩn về quy mô dân số

Thương Nguyễn

Đây là một trong những nội dung được đề cập tại Công văn số 4368/BNV-CQĐP ngày 09/8/2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện quy định tại Điều 6 và Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo đó, hướng dẫn số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo tiêu chuẩn về quy mô dân số cụ thể như sau:

1. Đối với phường: Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 5.000 người; phường thuộc thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương cứ tăng thêm đủ

3.500 người; phường thuộc thị xã cứ tăng thêm đủ 2.500 người và phường ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 700 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Đối với thị trấn: Thị trấn ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 800 người; các thị trấn còn lại cứ tăng thêm đủ 4.000 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Đối với xã: Xã miền núi, vùng cao cứ tăng thêm đủ 2.500 người; xã ở hải đảo cứ tăng thêm đủ 800 người và các xã còn lại cứ tăng thêm đủ 4.000 người thì được tăng thêm 01 công chức cấp xã và 01 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã./.

**Tăng các mức chi trong công tác hòa giải ở cơ sở
kể từ ngày 06/10/2023**

Gia Hân

Ngày 18/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

Cụ thể, các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở sẽ có các mức chi như sau:

(1) Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc;

(2) Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết) được thực hiện như sau:

- Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

- Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

(3) Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT;

(4) Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở;

(5) Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 06/10/2023./.

Ban hành Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống

Quỳnh Nguyễn

Ngày 03/8/2023, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký Quyết định số 2068/QĐ-BVHTTDL ban hành "Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống" (sau đây gọi tắt là *Bộ tiêu chí*).

Theo đó, việc sử dụng Bộ tiêu chí vừa là mục tiêu chuẩn hóa việc xây dựng môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống, vừa là công cụ, thước đo đánh giá năng lực công tác quản lý nhà nước, hiệu quả tổ chức lễ hội ở địa phương.

Việc ban hành Bộ tiêu chí là cơ sở để Ban tổ chức lễ hội địa phương áp dụng thống nhất các giải pháp trong tổ chức, thực hiện các hoạt động nhằm xây dựng môi trường văn hóa lễ hội; Định hướng ban tổ chức chuẩn hóa các tiêu chí về xây dựng môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống, là thước đo để đánh giá năng lực quản lý cũng như tính hiệu quả của công tác tổ chức hoạt động lễ hội tại địa phương.

Việc cụ thể hóa các tiêu chí về xây dựng môi trường văn hóa tại di tích, lễ hội là một trong những giải pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả trong việc tổ chức

các hoạt động lễ hội theo hướng văn minh, lành mạnh, tiết kiệm; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; bài trừ các hủ tục, tập tục, tập quán lạc hậu, nghi lễ có tính bạo lực và các hành vi phản cảm, lệch chuẩn trong lễ hội.

Các tiêu chí chung như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư đáp ứng yêu cầu tổ chức lễ hội; Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí vui tươi, lành mạnh đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của Nhân dân; Các hoạt động kinh doanh dịch vụ tại di tích, lễ hội cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ công cộng; quy định của Ban Tổ chức lễ hội về thực hiện nếp sống văn minh, ứng xử văn hóa; Tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về di tích, lễ hội, thực hiện nếp sống văn minh; nội dung, hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú...

Các tiêu chí cụ thể bao gồm: Quản lý, tổ chức; Cơ sở vật chất, trang thiết bị; Đảm bảo an toàn

giao thông, an ninh trật tự xã hội; Vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí; Tổ chức các hoạt động dịch vụ; Ứng xử văn hóa khi tham gia hoạt động

lễ hội; Công tác tuyên truyền thực hiện nếp sống văn minh tại di tích, lễ hội; Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong lễ hội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa cho học sinh, sinh viên

NVT

Ngày 24/8/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số 4567/BGDĐT-GDCTHSSV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên năm học 2023 - 2024.

Cụ thể, hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa cho học sinh, sinh viên năm học 2023 - 2024 gồm những nội dung như sau:

1. Đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập đối với môn lý luận chính trị, đạo đức, giáo dục công dân, kinh tế - pháp luật; các nội dung về giáo dục lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng và văn hóa trong trường học; tăng cường chỉ đạo, quản lý công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, các trường tư thục, các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài.

2. Tổ chức các hoạt động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quán triệt, tuyên truyền, hướng dẫn nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, HSSV tích cực tham gia Cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

3. Thực hiện công tác phát triển Đảng viên trong trường học, bồi dưỡng nhận thức về Đảng trong HSSV theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30/5/1998; chú trọng phát hiện và bồi dưỡng HSSV tiêu biểu, xuất sắc thông qua các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động học tập, rèn luyện, Đoàn - Hội đề tạo nguồn kết nạp đảng; triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên trong trường học.

4. Theo dõi, nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng trong HSSV; tổ chức hiệu quả hoạt động đối thoại; chủ động phát hiện và phối

hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề phức tạp về chính trị, tư tưởng liên quan đến HSSV; không để HSSV bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia các hội, nhóm, tổ chức tôn giáo hoạt động trái pháp luật và các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, gây rối an ninh, trật tự an toàn xã hội.

5. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp được đưa ra trong Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học”; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong các trường học; phát triển mạng lưới hoạt động thư viện./.

Hỗ trợ tới 1 tỷ đồng/dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Hồng Lam

Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Cụ thể, quy định về chi hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý bao gồm:

(1) Chi mua sắm trang thiết bị duy trì hoạt động thường xuyên trong hàng rào dự án. Mức hỗ trợ theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

(2) Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ: Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/01 người lao động,

thời gian hỗ trợ tối đa 03 tháng/01 người lao động.

(3) Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh: Hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức tối đa 50% tổng kinh phí của hoạt động và không quá 1 tỷ đồng/dự án.

(4) Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng: Mức hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện, không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ/kết quả nghiên cứu.

(5) Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tối đa không quá 150 triệu đồng/dự án.

(6) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

Mức hỗ trợ 100% chi phí nhưng không quá 126 triệu đồng/ha.

(7) Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc, và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2023./.

HỎI ĐÁP PHÁP LUẬT

BBT

Hỏi: Xin cho biết mức xử phạt đối với cá nhân, hộ gia đình có hành vi không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định hiện hành? (*Ông Trần T, Huyện Ngọc Hồi*)

Trả lời có tính chất tham khảo:

Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường quy định: “*Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hộ gia đình, cá nhân không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không sử dụng*

bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định”.

Như vậy, cá nhân, hộ gia đình có hành vi không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định sẽ bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng./.

